

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 01 - 2026

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi
con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thuận

2. Bà Trần Thị Mộng Tường

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thị Thu T - sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp L, xã G, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Danh T1, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp C, xã G, tỉnh An Giang.
(Chị T, anh T1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Thu T trình bày:***

Chị và anh T1 trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp L, xã G) vào ngày 20/2/2012. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 thường xuyên ăn nhậu, không chịu làm ăn. Chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh T1 không nghe và tự dọn đồ ra khỏi nhà bỏ mặc mẹ con chị tự sống bên cha mẹ ruột chị từ đó đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nên chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1; Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Danh Nhựt K - sinh ngày: 15/12/2012, hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con,

không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; Về tài chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh T2 đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng, triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang nhận thấy như sau:

Về hôn nhân chị T và anh T1 trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2012, anh chị có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2012 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị không thể tiếp tục duy trì được nữa. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Anh, chị có 01 con chung, hiện cháu đang ở với chị T. Tòa án đã tổng đạt thông báo cho anh T1 nhưng anh T1 không thể hiện ý kiến về việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Chị T chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền: Chị Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn, nuôi con chung” giữa chị và anh T1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

{1.2} Về sự có mặt của đương sự: Chị Thị Thu T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và anh D Thanh vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của chị T và anh T1 không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T và anh T1.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Thị Thu T và anh Danh T1 trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2012. Anh chị có

đến Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã G, tỉnh An Giang) đăng ký kết hôn vào ngày 20/2/2020 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng không tự hòa giải được những mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, vợ chồng chung sống đến tháng 10/2012 thì ly thân. Chị T và anh T1 cũng đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Xét thấy hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở lâu dài bền vững, vợ chồng quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Đối với anh T1, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về việc chị T yêu cầu được ly hôn; nhưng anh T1 không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho chị Thị Thu T được ly hôn với anh Danh T1.

{2.2} Về con chung: Anh, chị có 01 người con chung tên Danh Nhựt K - sinh ngày: 15/12/2012, hiện nay cháu K đang ở với chị T. Tòa án tổng đạt thông báo về việc chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T1 cũng không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, tại bản tự khai cháu K có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn, cháu yêu cầu được ở với mẹ. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

{2.3} Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

{2.4} Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002472 ngày 26/9/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị T đã nộp đủ.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Thị Thu T được ly hôn với anh Danh T1.

2. Về con chung: Xử giao cháu Danh Nhựt K - sinh ngày 15/12/2012 cho chị Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002472 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, cùng cấp;
- Phòng thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên